

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-02-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Huệ
2. Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 16-02-2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2022/TLST-HNGĐ ngày 14-12-2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-02-2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1976. Có mặt.
Trú tại: Thôn N, xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Có mặt.
Trú tại: Thôn N, xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-12-2022, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào năm 1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến khoảng vài năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung. Đầu tháng 12 năm 2022 chị Nguyễn Thị H làm đơn xin ly hôn với anh, nhưng sau đó không biết vì lý do gì chị Hảo lại rút đơn khởi kiện. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Có 02 con chung, 01 cháu chết năm 2021, 01 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai 28-12-2022 và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng chẳng mấy khi hạnh phúc. Năm 1998 chị sinh con thứ hai nhưng không may cháu bị tàn tật từ bé phải nằm một chỗ không tự chăm sóc bản thân được nên chị phải ở nhà trông con. Nhưng anh H không quan tâm đến vợ con, đi làm nhưng không gửi tiền về cho chị chăm sóc con, một mình chị phải tự bươn chải kiếm tiền nuôi con. Nhưng vì thương con nên chị vẫn cố duy trì cuộc sống vợ chồng. Đến năm 2021 con trai thứ hai của chị chết, đó là cú sốc lớn với chị nhưng chị cũng không nhận được sự cảm thông từ anh H. Lúc đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh H thường xuyên vắng nhà không quan tâm đến gia đình. Về mặt thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đầu tháng 12 năm 2022 chị xác định không thể duy trì cuộc sống vợ chồng được nữa nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H. Nhưng sau đó về nhà suy nghĩ lại do thương con, không muốn bố mẹ ly hôn làm ảnh hưởng đến tâm lý và công việc của con (vì hiện tại chị chỉ còn một đứa con duy nhất), chị đã làm đơn xin rút đơn khởi kiện. Nay anh H làm đơn xin ly hôn, chị không nhất trí ly hôn, chị chấp nhận duy trì cuộc sống ly thân như hiện nay để con cái yên tâm công tác, không phải lo nghĩ về việc bố mẹ ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung, 01 cháu chết năm 2021, 01 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào năm 1994 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm đến nhau. Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị Hảo không nhất trí ly hôn mà muốn duy trì cuộc sống ly thân như hiện nay để con cái không ảnh hưởng đến tâm lý, công việc khi bố mẹ ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Anh Phạm Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn chị Hảo.

Hội đồng xét xử nhận định: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, hôn nhân của anh Phạm Văn H và chị

Nguyễn Thị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị Nguyễn Thị H không nhất trí ly hôn và muốn duy trì cuộc sống ly thân như hiện nay để không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con, yêu cầu này của chị Hảo không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị H xác định có 02 con chung, 01 cháu đã trưởng thành, 01 cháu đã chết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Phạm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003193 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 14-12-2022 (xác nhận anh H đã nộp đủ).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Thu Hương